

Số: 22/BVNT-KHN

Nam Trực, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa khoa Nam Trực

Số giấy phép hoạt động: 311/NB-GPHĐ

Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Ngày cấp: 13/01/2026

Địa chỉ: xã Nam Trực, tỉnh Ninh Bình

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS CKI. Trần Văn Tuyên

Điện thoại liên hệ: 0915375366

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Đối tượng hướng dẫn thực hành: (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)
- Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)
- Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không
- Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 235 người/ năm (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)
- Chi phí hướng dẫn thực hành: 0,5 lần mức lương cơ sở cho mỗi tháng thực hành, theo quy định hiện hành

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố./.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tuyên

Phụ lục 1:



DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Bản công bố số: 22/BVNY-KHNV ngày 02 tháng 02 năm 2026)

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian tham gia khám bệnh, chữa bệnh
1	Trần Văn Tuyên	1965	BS CKI	001605/NĐ-CCHN; QĐ số 10/QĐ-SYT ngày 01/3/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp, chuyên khoa Nhi	Trên 36 tháng
2	Trần Văn Quảng	1977	BS CKI	001636/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Trên 36 tháng
3	Trần Tất Phong	1965	BS CKI	001641/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Trên 36 tháng
4	Phạm Bá Tùng	1990	BS CKI	005123/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Trên 36 tháng
5	Đỗ Văn Nghiêu	1963	Bác sĩ Đa khoa	001609/NĐ-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Trên 36 tháng
6	Đào Thanh Tùng	1990	Bác sĩ Y khoa	007500/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã	Trên 36 tháng
7	Lê Hồng Phong	1971	Bác sĩ Y khoa	001642/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nhi	Trên 36 tháng

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian tham gia khám bệnh, chữa bệnh
8	Mai Văn Thiết	1971	Bác sĩ Đa khoa	006135/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã	Trên 36 tháng
10	Nguyễn Thúy Nga	1990	BS CKI	005540/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tuyến huyện, xã + khám chữa bệnh chuyên ngành nhãn khoa	Trên 36 tháng
11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1989	BS CKI	000911/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Trên 36 tháng
12	Cao Quốc Bản	1993	Bác sĩ CKI	006469/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã	Trên 36 tháng
13	Phạm Văn Hợp	1992	Bác sĩ Đa khoa	00549/NĐ-GPHN	Y khoa	Trên 36 tháng
14	Đặng Văn Cường	1983	Bác sĩ Đa khoa	006433/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã	Trên 36 tháng
15	Đoàn Thị Thanh Thu	1993	Bác sĩ YHCT	006204/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Trên 36 tháng
16	Phan Thị Nhung	1986	Bác sĩ YHCT	005462/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Trên 36 tháng
17	Phạm Thị Thuận	1983	ĐD CKI	001622/NĐ-CCHN	Thực hiện theo các kỹ thuật điều dưỡng HSCC, Nhi theo y lệnh của bác sĩ điều trị	Trên 36 tháng

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian tham gia khám bệnh, chữa bệnh
18	Bùi Thị Ngát	1990	ĐD CKI	002528/NĐ-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Trên 36 tháng
19	Nguyễn Thị Lĩnh	1989	Cử nhân Điều dưỡng	001617/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
20	Nguyễn Thị Thùy	1988	Cử nhân Điều dưỡng	001543/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
21	Trần Thị Thúy	1981	Cử nhân Điều dưỡng	001621/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
22	Nguyễn Thị Là	1988	Cử nhân Điều dưỡng	001545/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
23	Nguyễn Thị Uyên	1985	Cử nhân Xét nghiệm	007369/NĐ-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Trên 36 tháng
24	Lưu Thanh Thúy	1996	Cử nhân Xét nghiệm	006475/NĐ-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Trên 36 tháng
25	Vũ Ngọc Anh	1993	CĐ Kỹ thuật hình ảnh	006333/NĐ-CCHN	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Trên 36 tháng

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian tham gia khám bệnh, chữa bệnh
26	Phạm Thị Huệ	1968	Cử nhân Điều dưỡng	001541/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
27	Đỗ Thị Nhung	1996	Hộ sinh Cao đẳng	006203/NĐ-CCHN	Thực hiện kỹ thuật của hộ sinh cao đẳng theo quy định tại TT số 26/2015TTLT-BYT-BNV	Trên 36 tháng
28	Nguyễn Thị Lan	1980	Cử nhân hộ sinh	001547/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
29	Nguyễn Thị Phượng	1981	Y sỹ YHCT	000629/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Trên 36 tháng
30	Nguyễn Xuân Bình	1986	Y sỹ YHCT	001552/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật y học cổ truyền theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
31	Phạm Tuấn Minh	1991	Y sỹ YHCT	005733/NĐ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Trên 36 tháng
32	Tô Thị Thu	1994	Điều dưỡng Đại học	006604/NĐ-CCHN	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Trên 36 tháng

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian tham gia khám bệnh, chữa bệnh
33	Lương Thị Hoài	1996	Điều dưỡng Đại học	006492/NĐ-CCHN	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Trên 36 tháng
34	Đào Thị Nga	1976	Điều dưỡng Trung cấp	001550/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
35	Trần Thị Hạnh	1989	Điều dưỡng	0017089/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Trên 36 tháng
36	Vũ Thị Thùy	1993	Điều dưỡng Đại học	006706/NĐ-CCHN	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Trên 36 tháng
37	Nguyễn Thị Hiền	1995	Điều dưỡng Đại học	006878/NĐ-CCHN	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Trên 36 tháng
38	Nguyễn Thị Thiện	1990	Điều dưỡng Đại học	005413/NĐ-CCHN	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Trên 36 tháng

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian tham gia khám bệnh, chữa bệnh
39	Nguyễn Thị Ngọc	1986	Điều dưỡng Trung cấp	001618/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
40	Vũ Thị Hoài	1987	Điều dưỡng Trung cấp	001540/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng
41	Nguyễn Thị Tân	1995	Điều dưỡng Đại học	006600/NĐ-CCHN	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Trên 36 tháng
42	Tô Thị Thu Hương	1994	Điều dưỡng Đại học	006474/NĐ-CCHN	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Trên 36 tháng
43	Đỗ Thị Thanh Hoa	1982	Hộ sinh Trung cấp	001620/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật học sinh theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Trên 36 tháng

Phụ lục 2:



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Ban công bố số: 22/BVNT-KHNV ngày 02 tháng 02 năm 2026)

Stt	Đối tượng	Số lượng
1	Bác sĩ Y khoa	35 người/ năm
2	Bác sĩ Y học cổ truyền	10 người/ năm
3	Y sĩ đa khoa	30 người/ năm
4	Y sĩ Y học cổ truyền	15 người/ năm
5	Cử nhân Điều dưỡng	30 người/ năm
6	Điều dưỡng Cao đẳng	20 người/ năm
7	Điều dưỡng Trung cấp	25 người/ năm
8	Hộ sinh Đại học	10 người/ năm
9	Hộ sinh Cao đẳng	10 người/ năm
10	Hộ sinh Trung cấp	10 người/ năm
11	Cử nhân Xét nghiệm	10 người/ năm
12	Kỹ thuật viên xét nghiệm	10 người/ năm
13	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	10 người/ năm
14	Chuyên khoa: Chẩn đoán hình ảnh, Ngoại, Nội, Mắt, Nhi	10 người/ chuyên khoa/ năm

Số: 01/KH-BVNT

Nam Trực, ngày 30 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định về việc thành lập Bệnh viện Đa khoa Nam Trực thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Nam Trực thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình.

Bệnh viện Đa khoa Nam Trực xây dựng Kế hoạch Hướng dẫn thực hành cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích

- Đào tạo thực hành, cập nhật nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm, xác nhận thời gian thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng xin thực hành chuyên môn y học.

- Hoàn thiện kỹ năng thực hành các thủ thuật, kỹ thuật để đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề khám chữa bệnh cho các đối tượng: Bác sĩ Đa khoa/ Y khoa; Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ có Chứng chỉ đào tạo Chuyên khoa cơ bản: Chẩn đoán hình ảnh, mắt, ngoại, nội, nhi; Y sĩ Đa khoa; Y sĩ Y học cổ truyền; Điều dưỡng; Hộ sinh; Kỹ thuật Y.

- Người thực hành biết được nội dung và thời gian thực hành.

2. Yêu cầu

- Đối tượng thực hành được thực hiện các kỹ thuật khám chữa bệnh, làm các thủ thuật trên người bệnh, kê đơn thuốc dưới sự chỉ dẫn của người được phân công hướng dẫn thực hành chuyên môn do Bệnh viện Đa khoa Nam Trực phân công hướng dẫn thực hành.

- Việc phân công người hướng dẫn thực hành phải bảo đảm phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người được phân công hướng dẫn thực hành và phải đảm bảo hoàn thành đầy đủ các nội dung, thời gian thực hành quy định tại Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH:

Stt	Đối tượng	Tổng thời gian thực hành	Thời gian cụ thể và địa điểm thực hành
1	Bác sĩ Y khoa/ Bác sĩ Đa khoa	09 tháng khám bệnh, chữa bệnh	- 02 tháng tại khoa Nội tổng hợp - 03 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp - Liên chuyên khoa - 02 tháng khám bệnh, chữa bệnh Khoa Nhi - Cấp cứu - Hồi sức - 01 tháng tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản - 01 tháng tại khoa Khám bệnh
		03 tháng khám bệnh, chữa bệnh về Hồi sức, cấp cứu	03 tháng tại khoa Nhi - Hồi sức Cấp cứu
2	Bác sĩ YHCT	09 tháng khám bệnh, chữa bệnh	09 tháng tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
		03 tháng khám bệnh chữa bệnh về Hồi sức, cấp cứu	03 tháng tại khoa Nhi - Hồi sức Cấp cứu

3	Bác sĩ có chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản	09 tháng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Tại khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh
		09 tháng chuyên khoa Mắt	Tại khoa Khám bệnh
		09 tháng chuyên khoa Ngoại	Tại khoa Ngoại TH - LCK
		09 tháng chuyên khoa Nội	Tại khoa Nội tổng hợp
		09 tháng chuyên khoa Nhi	Tại khoa Nhi - Cấp cứu - Hồi sức
4	Y sĩ Đa khoa	06 tháng khám bệnh, chữa bệnh	- 02 tháng tại khoa Nội Tổng hợp - 03 tháng tại khoa Ngoại Tổng hợp - Liên chuyên khoa - 01 tháng tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
		03 tháng khám bệnh chữa bệnh về Hồi sức, cấp cứu	03 tháng tại khoa Nhi - Hồi sức Cấp cứu
5	Y sĩ YHCT	06 tháng khám bệnh, chữa bệnh	06 tháng tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
		03 tháng khám bệnh chữa bệnh về Hồi sức, cấp cứu	03 tháng tại khoa Nhi - Hồi sức Cấp cứu

6	Điều dưỡng	05 tháng khám bệnh, chữa bệnh	- 02 tháng tại khoa Nội tổng hợp - 02 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp - Liên chuyên khoa - 01 tháng tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
		01 tháng khám bệnh chữa bệnh về Hồi sức, cấp cứu	01 tháng tại khoa Nhi - Hồi sức Cấp cứu
7	Hộ sinh	05 tháng khám bệnh, chữa bệnh	05 tháng tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản
		01 tháng khám bệnh chữa bệnh về Hồi sức, cấp cứu	01 tháng tại khoa Nhi - Cấp cứu - Hồi sức
8	Kỹ thuật Y	05 tháng khám bệnh, chữa bệnh	05 tháng tại khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh
		01 tháng khám bệnh chữa bệnh về Hồi sức, cấp cứu	01 tháng tại khoa Nhi - Cấp cứu - Hồi sức

III. SỐ LƯỢNG TIẾP NHẬN VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH:

- Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận: 235 người/ năm
- Số lượng người hướng dẫn thực hành: 43 người
- Danh sách người hướng dẫn thực hành (*có phụ lục kèm theo*)

IV. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, KINH PHÍ THỰC HÀNH:

1. Hình thức

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại các khoa: Nội Tổng hợp, Ngoại Tổng hợp - LCK, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Nhi - HSCC, Y học cổ truyền - PHCN, Khám bệnh, Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh.

2. Nội dung thực hành

- Nắm rõ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15.
- Thực hiện được việc khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với văn bằng chuyên môn và nội dung Thông tư 32/2023/TT-BYT.
- Thực hiện được việc hồi sức cấp cứu người bệnh.
- Thực hiện được các thủ thuật, kỹ thuật trong công tác khám bệnh, chữa bệnh được áp dụng tại Trung tâm.
- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp trong công tác khám bệnh, chữa bệnh.
- Có kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh.
- Thực hiện tốt công tác phòng chống nhiễm khuẩn trong Bệnh viện.

3. Kinh phí thực hành

Người thực hành có trách nhiệm nộp kinh phí thực hành bằng 0,5 lần mức lương cơ sở cho mỗi tháng thực hành, theo quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ

- Tham mưu cho Giám đốc Bệnh viện lập Kế hoạch hướng dẫn thực hành cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Là đầu mối phối hợp các Khoa, Phòng của Bệnh viện thực hiện kế hoạch: Tập huấn quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp ứng xử...

- Giám sát, kiểm tra quá trình thực hành chuyên môn tại các khoa trong Bệnh viện, tổng hợp các văn bản đề nghị Giám đốc cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành.

- Phối hợp với các khoa, phòng tham mưu cho Giám đốc Bệnh viện ra Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành.

- Hướng dẫn cho người thực hành hoàn thiện hồ sơ giấy tờ, thủ tục để nộp cho Sở Y tế tỉnh Ninh Bình, đề nghị cấp giấy phép hành nghề.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính

- Đăng tải kế hoạch hướng dẫn thực hành, danh sách người thực hành, danh sách người hoàn thành thực hành.

- Phối hợp với phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ quản lý, giám sát người thực hành tại Bệnh viện.

3. Các khoa, phòng có liên quan

- Tiếp nhận, quản lý hướng dẫn người thực hành theo sự phân công của Giám đốc.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người thực hành hoàn thành các nội dung trong quá trình thực hành tại khoa.

- Cử cán bộ có kinh nghiệm tham gia hướng dẫn thực hành theo sự phân công của Giám đốc.

- Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành có sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành do lỗi của người hướng dẫn.

- Nhận xét kết quả thực hành của các đối tượng thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

- Phối hợp phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ quản lý, giám sát người thực hành tại khoa.

Trên đây là Kế hoạch Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với Bác sĩ, Y sĩ, Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y của Bệnh viện Đa khoa Nam Trực./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: KHN, VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tuyên

Phụ lục

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 01/KH-BVNT ngày 30 tháng 01 năm 2026)



Stt	Họ và Tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề			Khoa công tác	Đối tượng hướng dẫn	Phạm vi hướng dẫn
				Số	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động			
1	Trần Văn Tuyên	Bác sĩ	BS CKI	001605/NĐ-CCHN; QĐ số 10/QĐ-SYT	11/9/2013; 01/3/2019	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tổng hợp, chuyên khoa Nhi	Khoa Bệnh nhiệt đới	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên.	Nội khoa; Nhi khoa
2	Trần Văn Quảng	Bác sĩ	BS CKI	001636/NĐ-CCHN	01/3/2019	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên; Hộ sinh	Ngoại khoa; Sân khoa; Tai Mũi Họng
3	Trần Tất Phong	Bác sĩ	BS CKI	001641/NĐ-CCHN	11/9/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên;	Nội khoa
4	Phạm Bá Tùng	Bác sĩ	BS CKI	005123/NĐ-CCHN; QĐ 766/QĐ-SYT	15/9/2017; 25/6/2024	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Chuyên khoa Ngoại khoa	Khoa Khám bệnh	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên; Hộ sinh	Ngoại khoa
5	Đỗ Văn Nghiêu	Bác sĩ	Bác sĩ Y khoa	001609/NĐ-CCHN	11/9/2013	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Khoa Xét nghiệm - CĐHA	Bác sĩ; Y sĩ; Kỹ thuật viên	Chẩn đoán hình ảnh

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề			Khoa công tác	Đối tượng hướng dẫn	Phạm vi hướng dẫn
				Số	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động			
6	Đào Thanh Tùng	Bác sĩ	Bác sĩ Y khoa	007500/NĐ-CCHN	08/3/2022	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã	Khoa Khám bệnh	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên	Nội khoa
7	Lê Hồng Phong	Bác sĩ	Bác sĩ Y khoa	001642/NĐ-CCHN	11/9/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, Nhi	Khoa Nhi-Cấp cứu-Hồi sức	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên	Nội khoa; Nhi khoa
8	Mai Văn Thiết	Bác sĩ	Bác sĩ Đa khoa	006135/NĐ-CCHN	01/3/2019	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã	Khoa Ngoại tổng hợp - LCK	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên; Hộ sinh	Ngoại khoa
10	Nguyễn Thúy Nga	Trưởng khoa	BS CKI	005540/NĐ-CCHN	29/3/2018	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tuyến huyện, xã + khám chữa bệnh chuyên ngành nhãn khoa	Khoa Khám bệnh	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên; Hộ sinh	Nội khoa; Mắt
11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Bác sĩ	BS CKI	000911/NĐ-CCHN	10/5/2017	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Khoa Nội tổng hợp	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên; Hộ sinh	Nội khoa
12	Cao Quốc Bản	Bác sĩ	BS CKI	006469/NĐ-CCHN	10/02/2020	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã	Khoa Bệnh nhiệt đới	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên; Hộ sinh	Nội khoa

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề			Khoa công tác	Đối tượng hướng dẫn	Phạm vi hướng dẫn
				Số	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động			
13	Phạm Văn Hợp	Bác sĩ	Bác sĩ Đa khoa	00549/NĐ-GPHN	02/10/2024	Y khoa	Khoa Nhi-Cấp cứu-Hồi sức	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên	Nhi khoa
14	Đặng Văn Cường	Bác sĩ	Bác sĩ Đa khoa	006433/NĐ-CCHN	10/01/2020	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa tại tuyến huyện, xã	Khoa Ngoại tổng hợp - LCK	Bác sĩ; Y sĩ; Điều dưỡng; Kỹ thuật viên; Hộ sinh	Ngoại khoa
15	Đoàn Thị Thanh Thu	Bác sĩ	Bác sĩ YHCT	006204/NĐ-CCHN	10/5/2019	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa YHCT - PHCN	Bác sĩ; Y sĩ;	Y học cổ truyền
16	Phan Thị Nhung	Bác sĩ	Bác sĩ YHCT	005462/NĐ-CCHN	16/11/2017	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa YHCT - PHCN	Bác sĩ; Y sĩ;	Y học cổ truyền
17	Phạm Thị Thuận	Điều dưỡng	ĐD CKI	001622/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện theo các kỹ thuật điều dưỡng HSCC, Nhi theo y lệnh của bác sĩ điều trị	Khoa Nhi-Cấp cứu-Hồi sức	Điều dưỡng	Điều dưỡng
18	Bùi Thị Ngát	Điều dưỡng	ĐD CKI	002528/NĐ-CCHN	26/4/2017	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Khoa YHCT - PHCN	Điều dưỡng	Điều dưỡng
19	Nguyễn Thị Lĩnh	Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	001617/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sĩ điều trị	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng	Điều dưỡng

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề			Khoa công tác	Đối tượng hướng dẫn	Phạm vi hướng dẫn
				Số	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động			
20	Nguyễn Thị Thùy	Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	001543/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Ngoại tổng hợp - LCK	Điều dưỡng	Điều dưỡng
21	Trần Thị Thúy	Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	001621/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Bệnh nhiệt đới	Điều dưỡng	Điều dưỡng
22	Nguyễn Thị Là	Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	001545/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Khám bệnh	Điều dưỡng	Điều dưỡng
23	Lưu Thanh Thúy	Kỹ thuật viên	Cử nhân Xét nghiệm	006475/NĐ-CCHN	25/02/2020	Chuyên khoa xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm - CĐHA	Cử nhân xét nghiệm	Xét nghiệm
24	Vũ Ngọc Anh	Kỹ thuật viên	Cao đẳng	006333/NĐ-CCHN	16/10/2019	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Khoa Xét nghiệm - CĐHA	Cử nhân xét nghiệm	Xét nghiệm
25	Phạm Thị Huệ	Điều dưỡng	Cử nhân Điều dưỡng	001541/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Điều dưỡng	Điều dưỡng
26	Đỗ Thị Nhung	Hộ sinh	Cao đẳng	006203/NĐ-CCHN	10/5/2019	Thực hiện kỹ thuật của hộ sinh cao đẳng theo quy định tại TT số 26/2015TTTLT-BYT-BNV	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Hộ sinh Cao đẳng; Trung cấp	Hộ sinh

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề			Khoa công tác	Đối tượng hướng dẫn	Phạm vi hướng dẫn
				Số	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động			
27	Nguyễn Thị Lan	Hộ sinh	Đại học	001547/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Hộ sinh Đại học; Cao đẳng; Trung cấp	Hộ sinh
28	Nguyễn Thị Phương	Y sỹ	Trung cấp	000629/NĐ-CCHN	14/3/2017	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa YHCT - PHCN	Y sỹ YHCT	Y học cổ truyền
29	Nguyễn Xuân Bình	Y sỹ	Trung cấp	001552/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật y học cổ truyền theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa YHCT - PHCN	Y sỹ YHCT	Y học cổ truyền
30	Phạm Tuấn Minh	Y sỹ	Trung cấp	005733/NĐ-CCHN	15/6/2018	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khoa YHCT - PHCN	Y sỹ YHCT	Y học cổ truyền
31	Tô Thị Thu	Điều dưỡng	Đại học	006604/NĐ-CCHN	19/5/2020	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Khoa Nhi-Cấp cứu-Hồi sức	Điều dưỡng	Điều dưỡng
32	Lương Thị Hoài	Điều dưỡng	Đại học	006492/NĐ-CCHN	03/3/2020	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Khoa Nhi-Cấp cứu-Hồi sức	Điều dưỡng	Điều dưỡng

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề			Khoa công tác	Đối tượng hướng dẫn	Phạm vi hướng dẫn
				Số	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động			
33	Đào Thị Nga	Điều dưỡng	Trung cấp	001550/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Nhi-Cấp cứu-Hồi sức	Điều dưỡng Trung cấp	Điều dưỡng
34	Trần Thị Hạnh	Điều dưỡng	Trung cấp	0017089/BYT-CCHN	06/3/2014	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Khoa Nhi - HSCC	Điều dưỡng Trung cấp	Điều dưỡng
35	Vũ Thị Thùy	Điều dưỡng	Đại học	006706/NĐ-CCHN	20/7/2020	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Khoa Khám bệnh	Điều dưỡng	Điều dưỡng
36	Nguyễn Thị Hiền	Điều dưỡng	Đại học	006878/NĐ-CCHN	20/10/2020	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Khoa Ngoại tổng hợp	Điều dưỡng	Điều dưỡng
37	Nguyễn Thị Thiện	Điều dưỡng	Đại học	005413/NĐ-CCHN	25/10/2017	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Khoa Bệnh nhiệt đới	Điều dưỡng	Điều dưỡng
38	Nguyễn Thị Ngọc	Điều dưỡng	Trung cấp	001618/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Bệnh nhiệt đới	Điều dưỡng Trung cấp	Điều dưỡng

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề			Khoa công tác	Đối tượng hướng dẫn	Phạm vi hướng dẫn
				Số	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động			
39	Vũ Thị Hoài	Điều dưỡng	Trung cấp	001540/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng Trung cấp	Điều dưỡng
40	Nguyễn Thị Tân	Điều dưỡng	Đại học	006600/NĐ-CCHN	14/5/2020	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Khoa Bệnh nhiệt đới	Điều dưỡng	Điều dưỡng
41	Tô Thị Thu Hương	Điều dưỡng	Đại học	006474/NĐ-CCHN	25/02/2020	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV	Khoa Ngoại tổng hợp-LCK	Điều dưỡng	Điều dưỡng
43	Đỗ Thị Thanh Hoa	Điều dưỡng	Trung cấp	001620/NĐ-CCHN	11/9/2013	Thực hiện các kỹ thuật học sinh theo y lệnh của bác sỹ điều trị	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Điều dưỡng Trung cấp	Điều dưỡng